

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN QUỲNH PHỤ  
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 20 - 8 - 2021

*“V/v ly hôn giữa ông T và bà Ng”*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Huy Hoàng.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Phương;

2. Bà Phạm Thị Loan.

*- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Gien Ny - Thư ký  
Toà án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình tham  
gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Viết Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 52/2021/TLST - HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2021 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2021/QĐXXST - HNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 31/2021/QĐXXST - HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2021 giữa các đương sự:

*- Nguyên đơn:* Ông Vũ Văn T, sinh năm 1967.

*- Bị đơn:* Bà Vũ Thị Ng, sinh năm 1971.

Đều trú cùng địa chỉ: Thôn Đ, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình .

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn:* Bà Đinh Thu Trang, Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thái Bình.

*(ông T và bà Ng có đơn xin xử vắng mặt; bà Trang có mặt tại phiên tòa)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai thì nguyên đơn ông Vũ Văn T trình bày:*

Về hôn nhân: Ông T và bà Ng tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình, được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 20/1990 ngày 28/09/1990. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng hơn 20 năm thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp. Ông và bà Ng đã sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay. Ông T xác định tình

cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, không có khả năng đoàn tụ gia đình. Ông đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với bà Vũ Thị Ng.

Về con chung: Ông và bà Ng có 02 con chung là chị Vũ Thị B, sinh năm 1992 và anh Vũ Văn Q, sinh năm 1995. Các con chung đều đã trưởng thành và đã tự lập về kinh tế.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*- Đối với bị đơn bà Vũ Thị Ng có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Ng là bà Đinh Thu Trang, Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thái Bình trình bày quan điểm của bà Ng như sau:*

Về hôn nhân: Bà Ng và ông T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình ngày 28/09/1990. Bà Ng xác định tình cảm vợ chồng không còn mâu thuẫn đã trầm trọng, không có khả năng đoàn tụ gia đình. Ông T làm đơn khởi kiện ly hôn, bà Ng cũng đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Vũ Văn T.

Về con chung: Bà Ng và ông T có 02 con chung là chị Vũ Thị B, sinh năm 1992 và anh Vũ Văn Q, sinh năm 1995. Các con chung đã trưởng thành và đã tự lập về kinh tế, nên không đặt ra trách nhiệm cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Ng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*- Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình phát biểu quan điểm:* Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã cơ bản tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật trong quá trình tham gia tố tụng. Bị đơn không tham gia tố tụng nhưng có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Về ý kiến giải quyết vụ án Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các điều 51, 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 giải quyết theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về con chung: Ông bà có 02 con chung là chị Vũ Thị B, sinh năm 1992 và anh Vũ Văn Q, sinh năm 1995, hiện đều đã trưởng thành và đã tự lập về kinh tế, cho nên không giải quyết về cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Ông T, bà Ng không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản cho nên không đặt ra giải quyết về tài sản. Ngoài ra nguyên đơn phải nộp án phí theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa. Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông T khởi kiện yêu cầu được ly hôn bà Ng có hộ khẩu tại Thôn Đ, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình. Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình. Ngày 02 tháng 7 năm 2021 ông T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; ngày 03/7/2021 bà Ng có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, căn cứ vào điểm b, khoản 2, Điều 227;

khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông T, bà Ng. Ngày 29 tháng 7 năm 2021 Tòa án đã tiến hành xét xử nhưng do vắng mặt bà Trang cho nên Tòa án đã quyết định hoãn phiên tòa.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ, xác minh về tình trạng hôn nhân của các đương sự, vì vậy Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa là đúng theo Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Ông T và bà Ng tự nguyện tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Q vào năm 1990. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 20 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình không hợp, trong quá trình chung sống không còn tình cảm vợ chồng. Ông T, bà Ng đã sống ly thân kể từ năm 2017 cho đến nay. Trong thời gian ly thân không ai quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Ông T xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng không có khả năng đoàn tụ gia đình muốn ly hôn với bà Ng. Bà Ng đã biết việc ông T làm đơn khởi kiện ly hôn và bà Ng có đơn đề nghị cũng mong muốn ly hôn với ông T. Do đó có căn cứ cho ly hôn giữa ông T và bà Ng theo Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

[3] Về nuôi con chung: Ông T và bà Ng có 02 con chung là chị Vũ Thị B, sinh năm 1992 và anh Vũ Văn Q, sinh năm 1995. Các con chung (B, Q) đã trưởng thành và đã tự lập về kinh tế, cho nên ông T và bà Ng không phải góp cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về chia tài sản: Ông T, bà Ng không yêu cầu Tòa án giải quyết, cho nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[5] Về án phí: Ông T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

[6] Về quyền kháng cáo: Ông T, bà Ng có quyền kháng cáo theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 5; khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 và Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

### **Tuyên xử:**

1. *Về hôn nhân:* Cho ly hôn giữa ông Vũ Văn T và bà Vũ Thị Ng
2. *Về con chung:* Ông T và bà Ng có 02 con chung là chị Vũ Thị B, sinh năm 1992 và anh Vũ Văn Q, sinh năm 1995. Các con chung đã trưởng thành và

đã tự lập về kinh tế, cho nên không giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung.

3. *Về chia tài sản*: Không giải quyết.

4. *Về án phí*: Ông Vũ Văn T phải nộp 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng ông T đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0004727 ngày 02/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình.

5. *Về quyền kháng cáo*: Ông Vũ Văn T, bà Vũ Thị Ng có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

***Nơi nhận:***

- Đương sự;
- TAND tỉnh Thái Bình
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- VKSND huyện Quỳnh Phụ;
- Chi cục THADS H. Quỳnh Phụ;
- UBND xã Q. H. Q;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Huy Hoàng**